

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính

Cho thời kỳ tài chính từ 01/01/2010 đến 30/6/2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét	3
3. Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2010	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 21



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Đệ Tam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Đức Lợi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Phạm Thị Kim Xuân	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Hải Bình	Thành viên HĐQT
Ông Trần Quang Mỹ	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Kim Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chung Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đình Năng	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 2/6 – 2/8 Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2010 và kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 được trình bày từ trang 04 đến trang 21.

5. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định soát xét các báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

6. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất

quản;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

7. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

Thay mặt Hội đồng quản trị
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Đức Lợi

Ngày 25 tháng 7 năm 2010

Số: 076/CA&A - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đệ Tam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đệ Tam (gọi tắt là "Công ty") ngày 30/6/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, từ trang 04 đến trang 21 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Số dư đầu năm (01/01/2010) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Do thời kỳ này thuộc năm đầu tiên mà báo cáo tài chính bán niên của Công ty được soát xét, do đó không có số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên



Hồ Đắc Hiếu

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV



Phó Giám đốc
Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		156.456.962.293	157.646.241.606
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.794.535.227	1.359.157.740
1. Tiền	111	V.01	6.794.535.227	1.359.157.740
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.650.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	9.650.000.000
III. Các khoản phải thu	130	V.02	23.718.399.481	7.437.737.560
1. Phải thu khách hàng	131		8.341.397.500	2.424.237.560
2. Trả trước cho người bán	132		15.365.801.981	1.542.500.000
3. Các khoản phải thu khác	135		11.200.000	3.471.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	122.586.293.779	134.808.842.207
1. Hàng tồn kho	141		122.586.293.779	134.808.842.207
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.04	3.357.733.806	4.390.504.099
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.113.806	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	279.734.099
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.268.620.000	4.110.770.000
B. Tài sản dài hạn	200		54.137.327.954	51.243.258.139
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.218.332.605	13.400.218.732
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	4.791.966.306	4.999.780.048
- Nguyên giá	222		5.955.118.147	5.912.536.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.163.151.841)	(912.756.281)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	8.274.640.000	8.274.640.000
- Nguyên giá	228		8.274.640.000	8.274.640.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	151.726.299	125.798.684
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40.830.397.019	37.259.730.349
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.08	-	37.259.730.349
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	40.830.397.019	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		88.598.330	583.309.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	88.598.330	583.309.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		210.594.290.247	208.889.499.745

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		97.262.330.365	106.331.533.371
I. Nợ ngắn hạn	310		59.134.930.365	63.331.333.371
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	15.815.200.000	14.950.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.12	14.091.205	115.994.455
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	12.129.055.834	204.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.13	7.301.843.517	513.937.916
5. Chi phí phải trả	316	V.14	22.470.695.407	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	1.026.780.656	47.547.401.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	377.263.746	-
II. Nợ dài hạn	330		38.127.400.000	43.000.200.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.17	28.011.000.000	28.011.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	10.116.400.000	14.989.200.000
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	113.331.959.882	102.557.966.374
I. Vốn chủ sở hữu	410		113.331.959.882	102.557.966.374
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		454.013.746	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.503.436	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.764.442.700	2.557.966.374
II. Nguồn hình phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		210.594.290.247	208.889.499.745

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng - USD	101.21	101.21
6. Dự toán chi hoạt động	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



TRẦN THỊ HẢO

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2010




PHẠM THỊ KIM XUÂN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		57.174.480.247
<i>Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu</i>			-
2. Các khoản giảm trừ	02		-
3. Doanh thu thuần	10	VI.20	57.174.480.247
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	41.004.281.000
5. Lợi nhuận gộp	20		16.170.199.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	543.172.576
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	459.987.500
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		459.987.500
8. Chi phí bán hàng	24		104.712.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	1.182.288.777
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		14.966.382.910
11. Thu nhập khác	31		4.293.430
12. Chi phí khác	32		1
13. Lợi nhuận khác	40		4.293.429
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.970.676.339
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.25	3.742.669.085
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.228.007.254
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		



TRẦN THỊ HÀO

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2010




PHẠM THỊ KIM XUÂN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	01	14.970.676.339
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	250.395.560
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(543.172.576)
Chi phí lãi vay	06	459.987.500
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	15.137.886.823
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(15.158.777.822)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	12.222.548.428
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(9.181.535.837)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	405.596.922
Tiền lãi vay đã trả	13	(459.987.500)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(76.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.888.981.014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(68.509.433)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.650.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.570.666.670)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	543.172.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.553.996.473
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	10.100.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.107.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.007.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5.435.377.487
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.359.157.740
Tiền tồn cuối kỳ	70	6.794.535.227

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



TRẦN THỊ HẢO

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2010



PHẠM THỊ KIM XUÂN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đệ Tam ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303118498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303118498 ngày 22/9/2009.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 100.000.000.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh nhà. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. San lấp mặt bằng. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình). Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn. Mua bán: vật liệu xây dựng; điện cơ, điện lạnh; dụng cụ thể thao; hàng công nghệ phẩm. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa. Mua bán, sửa chữa xe ô tô. Hoạt động thể thao. kinh doanh: khu vui chơi giải trí, nhà hàng, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Đại lý bán vé máy bay.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - ngành nông - lâm nghiệp - văn phòng. Dịch vụ dọn vệ sinh văn phòng, nhà ở. Dịch vụ chăm sóc cây cảnh. Cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại). Môi giới, đấu giá bất động sản. Quảng cáo bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.

3. Tên giao dịch, trụ sở và chi nhánh

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Đe Tam Joint Stock Co., tên viết tắt: Đe Tam J.S.C.
- Trụ sở chính đặt tại số 2/6 - 2/8 Núi Thành, phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM
- Chi nhánh tại Đồng Nai; chi nhánh tại Đà Lạt, chi nhánh tại Phú Quốc, chi nhánh tại Tp.HCM.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam ("VNĐ") được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm các chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và các chi phí khác để triển khai thực hiện dự án kinh doanh bất động sản.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao

Nhà cửa vật kiến trúc

05 – 30 năm

Phương tiện vận tải

03 – 09 năm

Thiết bị văn phòng

03 – 05 năm

7. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn

9. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Góp vốn liên doanh

- Áp dụng cho hình thức thành lập cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Áp dụng cho hình thức liên doanh hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán:

- + Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu và công nợ có liên quan;
- + Các khoản chi phí phát sinh cũng như phần thu nhập mà Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 22%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 20% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 8,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng dự án hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

15. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Hiện tại, số thuế phải nộp do Công ty tự xác định và sẽ được điều chỉnh lại khi có biên bản kiểm tra quyết toán thuế từ cơ quan Thuế.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tại sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tại sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thăng dư vốn có phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá có phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành có phiếu quỹ.

Có phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số có phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền	1. Tiền mặt	Tiền gửi ngân hàng - VND	Tiền gửi ngân hàng - USD	Cộng
30/6/2010	6.431.940.471	360.907.886	1.686.870	6.794.535.227
01/01/2010	288.073.093	1.069.397.777	1.686.870	1.359.157.740

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

2. Các khoản phải thu ngắn hạn		30/6/2010	01/01/2010
Phải thu khách hàng	(2.1)	8.341.397.500	2.424.237.560
Trả trước người bán	(2.2)	15.365.801.981	1.542.500.000
Phải thu khác		11.200.000	3.471.000.000
Cộng		23.718.399.481	7.437.737.560
Dự phòng phải thu khó đòi		-	-
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		23.718.399.481	7.437.737.560

(2.1) Chủ yếu bao gồm khoản phải thu Công ty TNHH Bất động sản Công Minh liên quan đến việc chuyển nhượng nền đất thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Lợi, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai là 7.862.500.000 đồng và các khoản phải thu từ cung cấp dịch vụ là 478.897.500 đồng.

(2.2) Chủ yếu bao gồm các khoản trả trước cho nhà thầu thi công các công trình thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Lợi.

3. Hàng tồn kho		30/6/2010	01/01/2010
Nguyên vật liệu		189.704.636	244.552.263
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(*)	122.257.377.614	134.425.078.415
Thành phẩm tồn kho		139.211.529	139.211.529
Cộng		122.586.293.779	134.808.842.207
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		122.586.293.779	134.808.842.207

(*) Bao gồm:		30/6/2010	01/01/2010
Dự án Khu dân cư Mỹ Lợi	(**)	119.830.882.121	133.082.253.931
Dự án Đà Lạt (chi phí triển khai ban đầu)		1.301.357.484	1.301.357.484
Các công trình khác		1.125.138.009	41.467.000
Cộng		122.257.377.614	134.425.078.415

(**) Bao gồm:		30/6/2010
Chi phí đền bù đất		116.857.640.000
Chi phí tiền sử dụng đất		10.708.646.800
Chi phí lương nhân viên		4.151.000.008
Chi phí khấu hao		769.582.192
Chi phí lãi vay vốn hoá		6.296.818.804
Chi phí cơ sở hạ tầng		11.571.798.000
Chi phí khác		10.031.327.317
Cộng		160.386.813.121
Kết chuyển vào giá vốn trong kỳ		(40.555.931.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dự án Khu dân cư Mỹ Lợi		119.830.882.121

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

4. Tài sản ngắn hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí trả trước ngắn hạn (công cụ, dụng cụ chờ phân bổ)	89.113.806	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	279.734.099
Tạm ứng (*)	3.268.620.000	4.110.770.000
Cộng	3.357.733.806	4.390.504.099

(*) Chủ yếu là các khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện các dự án.

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.123.648.703	1.493.347.902	295.539.724	5.912.536.329
Mua mới	-	-	42.581.818	42.581.818
Giảm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.123.648.703	1.493.347.902	338.121.542	5.955.118.147
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	373.245.098	314.411.010	225.100.173	912.756.281
Tăng	103.852.781	107.348.982	39.193.797	250.395.560
Tăng do phân loại	48.214.280	3.134.880	-	51.349.160
Giảm do phân loại	-	-	51.349.160	51.349.160
Số dư cuối kỳ	525.312.159	424.894.872	212.944.810	1.163.151.841
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.750.403.605	1.178.936.892	70.439.551	4.999.780.048
Số dư cuối kỳ	3.598.336.544	1.068.453.030	125.176.732	4.791.966.306

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá	8.274.640.000	8.274.640.000
Khấu hao	-	-
Khấu hao lũy kế	-	-
Giá trị còn lại (30/6/2010)	8.274.640.000	8.274.640.000

Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 2/8 (số cũ 360/28 bis) đường Núi Thành, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí xây dựng lán trại cho công nhân dự án Khu dân cư Mỹ Lợi	151.726.299	125.798.684
Cộng	151.726.299	125.798.684

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Số dư đầu năm (01/01/2010)	37.259.730.349
Tăng	-
Giảm do phân loại lại sang khoản đầu tư dài hạn khác	(37.259.730.349)
Số dư cuối kỳ (30/6/2010)	-

9. Đầu tư dài hạn khác

Số dư đầu năm (01/01/2010)	-
Tăng do phân loại lại từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	37.259.730.349
Tăng do vốn hoá chi phí lãi vay	296.666.670
Tăng do đầu tư thêm	3.274.000.000
Giảm	-
Số dư cuối kỳ (30/6/2010)	(*) 40.830.397.019

(*) Bao gồm:	30/6/2010
Công ty cổ phần Xây dựng số 5	(9.1) 25.822.791.670
Công ty TNHH Bất động sản Công Minh	(9.2) 13.370.248.400
Công ty cp Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị	(9.3) 1.287.356.949
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Tài nguyên	350.000.000
Cộng	40.830.397.019

(9.1) Khoản vốn góp hợp tác đầu tư dự án Chung cư cao tầng An Phúc theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1196/2009/HTĐT ngày 12/11/2009 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, theo đó tỷ lệ hợp tác của Công ty là 49%. Số dư khoản đầu tư đến ngày 30/6/2010 là 25.822.791.670 đồng bao gồm vốn góp thực tế là 25.500.000.000 đồng và chi phí lãi vay vốn hoá là 322.791.670 đồng.

(9.2) Khoản vốn góp hợp tác đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng tại phường 7, quận 11 theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01-07/HTKT/2007 ngày 07/6/2007 giữa Công ty và Công ty TNHH Bất động sản Công Minh (trước đây là Công ty TNHH Công Minh), theo đó tỷ lệ hợp tác của Công ty là 5%. Số vốn góp thực tế đến thời điểm 30/6/2010 là 13.370.248.400 đồng.

(9.3) Đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị: theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200384937 ngày 14/7/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 5% / tổng vốn điều lệ (100 tỷ đồng) tương đương 5 tỷ đồng. Số vốn góp thực tế đến ngày 30/6/2010 là 1.287.356.949 đồng.

Do đây là các khoản đầu tư trong giai đoạn đầu, nên trong 6 tháng đầu năm 2010, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản lãi hợp tác đầu tư hay cổ tức, lợi nhuận được chia nào từ các khoản đầu tư nêu trên.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	88.598.330	432.464.676
Chi phí khác	-	150.844.382
Cộng	88.598.330	583.309.058

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Vay và nợ ngắn hạn		30/6/2010	01/01/2010
Vay ngắn hạn	(*)	11.150.000.000	14.950.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	18(*)	4.665.200.000	-
Cộng		15.815.200.000	14.950.000.000

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
NH TMCP Đông Á	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000
NH TMCP Nam Việt	2.900.000.000	3.000.000.000	2.900.000.000	3.000.000.000
Công ty LD Style Stone	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Bà Phan Thị Kim Loan	250.000.000	-	-	250.000.000
Ông Nguyễn Như Nguyên	-	6.100.000.000	-	6.100.000.000
Ông Trần Đức Lợi	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
Cộng	14.950.000.000	10.100.000.000	13.900.000.000	11.150.000.000

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á theo hợp đồng vay ngắn hạn số H.1603/1 ngày 08/12/2009 với hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng; thời hạn vay: 12 tháng; mục đích vay: tài trợ đền bù cho các hộ dân dự án Khu dân cư Mỹ Lợi, Nhơn Trạch, Đồng Nai. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 1,8 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là lô đất thuộc dự án Khu dân cư Mỹ Lợi, Nhơn Trạch, Đồng Nai với diện tích là 37,3 ha đất (diện tích tối thiểu thế chấp là diện tích khi Công ty đạt được quyền chứng nhận, quyền sở hữu từ cơ quan có thẩm quyền) với tổng trị giá đảm bảo là 96,98 tỷ đồng.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng vay ngắn hạn số 06/2010/HĐTD-PGD7 ngày 23/6/2010 với hạn mức tín dụng: 3 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 3 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là nhà và đất tại số 60/23 quốc lộ 13, phường 26, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Đức Lợi làm chủ sở hữu với giá trị đảm bảo là 3,95 tỷ đồng.

Khoản vay bà Phan Thị Kim Loan theo hợp đồng vay ngắn hạn số 01-06/HĐVV/DETACO-2009 ngày 19/6/2009 với số tiền vay 250 triệu đồng; mục đích vay: kinh doanh dự án Mỹ Lợi, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất: 1,9 %/tháng. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 250 triệu đồng. Công ty đang thực hiện các thủ tục để gia hạn hợp đồng vay.

Khoản vay ông Nguyễn Như Nguyên theo hợp đồng vay ngắn hạn số 05/HĐVV/2009 ngày 29/12/2009 với số tiền vay 6,1 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 6 tháng; lãi suất: 2%/tháng. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 6,1 tỷ đồng. Khoản vay này đã được thanh khoản trong tháng 7/2010.

12. Phải trả người bán và người mua trả trước		30/6/2010	01/01/2010
Phải trả người bán	(*)	14.091.205	115.994.455
Người mua trả trước	(**)	12.129.055.834	204.000.000
Cộng		12.143.147.039	319.994.455

(*) Chủ yếu là tiền sử dụng đất và chi phí cơ sở hạ tầng phải trả.

(*) Trong đó, các khoản tiền ứng trước của khách hàng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các dự án từ Công ty là 12.002.555.834 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Thuế và các khoản phải nộp	30/6/2010	01/01/2010
Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	3.030.834.552	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.256.607.001	513.937.916
Thuế thu nhập cá nhân	14.401.964	-
Cộng	7.301.843.517	513.937.916

(*) Khoản thuế giá trị gia tăng phải nộp này không bao gồm khoản thuế phải nộp của các khoản tiền nhận ứng trước từ khách hàng (12.002.555.834 đồng) liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất dự án chưa xuất hoá đơn.

14. Chi phí phải trả	30/6/2010	01/01/2010
Chi phí lãi vay còn phải trả	190.250.607	-
Tiền sử dụng đất dự án Khu dân cư Mỹ Lợi phải trả	10.708.646.800	-
Chi phí cơ sở hạ tầng dự án Khu dân cư Mỹ Lợi phải trả	11.571.798.000	-
Cộng	22.470.695.407	-

15. Các khoản phải trả khác	30/6/2010	01/01/2010
Kinh phí công đoàn	4.236.792	2.104.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	16.773.864	5.437.000
Khoản thu hộ các tổ chức, cá nhân	1.004.000.000	-
Khoản nhận góp vốn đầu tư dự án Khu dân cư Mỹ Lợi từ các khách hàng	-	46.777.444.800
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	-
Các khoản phải trả khác	770.000	762.415.000
Cộng	1.026.780.656	47.547.401.000

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi	
Số dư đầu năm (01/01/2010)	-
Tăng do trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế	454.013.746
Giảm do sử dụng quỹ	(76.750.000)
Số dư cuối kỳ (30/6/2010)	377.263.746

17. Phải trả dài hạn khác	30/6/2010	01/01/2010
Ông Trần Quang Mỹ	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Công Minh	13.500.000.000	13.500.000.000
Bà Phạm Thị Bình	511.000.000	511.000.000
Cộng (*)	28.011.000.000	28.011.000.000

(*) Khoản nhận góp vốn cho các dự án Khu dân cư Mỹ Lợi - Nhơn Trạch - Đồng Nai, Chung cư An Phúc - Quận 8 - Tp.HCM từ các tổ chức và cá nhân.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

18. Vay dài hạn	30/6/2010	01/01/2010
Vay dài hạn	14.781.600.000	14.989.200.000
Cộng	14.781.600.000	14.989.200.000
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(*) (4.665.200.000)	-
Tổng cộng	10.116.400.000	14.989.200.000

Chi tiết các khoản nợ vay dài hạn

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
NH TMCP Đông Á	11.500.000.000	-	156.000.000	11.344.000.000
NH TMCP Nam Việt	489.200.000	-	51.600.000	437.600.000
Bà Phạm Thị Thu Thủy	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Cộng	14.989.200.000	-	207.600.000	14.781.600.000

Khoản vay TMCP Đông Á bao gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng vay số H.0065/12 ngày 19/11/2009 với số tiền vay là 1,5 tỷ đồng; mục đích vay: tài trợ tiền đền bù các hộ dân thuộc Khu dân cư Mỹ Lợi, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất: 0,875 %/tháng. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 1.344.000.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là căn hộ chung cư cao cấp số B2/4 (thuộc Cao ốc Phú Nhuận tại số 20 Hoàng Minh Giám, phường 9, Phú Nhuận, Tp.HCM) thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Kim Xuân với tổng giá trị đảm bảo là 2,17 tỷ đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả đến ngày 30/6/2011 là 312 triệu đồng.

- Hợp đồng vay số H.0064/12 ngày 19/10/2009 với số tiền vay là 10 tỷ đồng; mục đích vay: tài trợ tiền đền bù các hộ dân thuộc Khu dân cư Mỹ Lợi, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất: 10,5 %/năm. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 10 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là bất động sản số 158/16/20 Lê Đức Thọ, phường 6, Gò Vấp, Tp.HCM thuộc sở hữu của ông Lưu Văn Toán và bất động sản tại số 2/8 Núi Thành, phường 13, Tân Bình, Tp.HCM thuộc sở hữu của Công ty. Nợ dài hạn đến hạn trả đến ngày 30/6/2011 là 1.250.000.000 đồng.

Khoản vay TMCP Nam Việt theo thông báo cho vay ngày 24/8/2009 với số tiền vay là 515.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe Ford Everest 4x4 MT; thời hạn vay: 60 tháng. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 437.600.000 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ dài hạn đến hạn trả đến ngày 30/6/2011 là 103.200.000 đồng.

Khoản vay bà Phạm Thị Thu Thủy theo hợp đồng vay vốn số 01-2/HĐVV/DETACO-2009 ngày 04/02/2009 với số tiền vay là 3 tỷ đồng; mục đích vay: kinh doanh và xây dựng dự án Khu dân cư Mỹ Lợi, Phước An, Nhơn Trạch, Đồng Nai; thời hạn vay: 24 tháng; lãi suất: 1 %/tháng. Đến ngày 30/6/2010, số dư nợ vay là 3 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ dài hạn đến hạn trả đến ngày 30/6/2011 là 3 tỷ đồng.

19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	454.013.746	-	454.013.746
Quỹ dự phòng tài chính	-	113.503.436	-	113.503.436
Lợi nhuận chưa phân phối	2.557.966.374	11.228.007.254	1.021.530.928	12.764.442.700
Cộng	102.557.966.374	11.795.524.436	1.021.530.928	113.331.959.882

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010***(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
Trần Đức Lợi	30.000.000.000	5.000	30.000.000.000	3.000.000
Phạm Thị Kim Xuân	7.000.000.000	1.167	3.500.000.000	350.000
Hoàng Hải Bình	3.000.000.000	500	1.260.000.000	126.000
Nguyễn Chí Thành	-	-	11.000.000.000	1.100.000
Trần Quang Mỹ	-	-	5.100.000.000	510.000
Các cổ đông khác	60.000.000.000	10.000	49.140.000.000	4.914.000
Cộng	100.000.000.000	16.667	100.000.000.000	10.000.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Cộng	100.000.000.000	16.667	100.000.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 6.000.000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	454.013.746
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	113.503.436
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	454.013.746
Cộng	1.021.530.928

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**20. Doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/01/2010

đến 30/6/2010

57.061.997.658

Doanh thu cung cấp dịch vụ

112.482.589

Các khoản giảm trừ

Cộng doanh thu thuần**57.174.480.247****21. Giá vốn**

Giá vốn hàng hoá đã bán

Từ ngày 01/01/2010

đến 30/6/2010

41.004.281.000

Cộng**41.004.281.000****22. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng

Từ ngày 01/01/2010

đến 30/6/2010

83.185.076

Lãi cho vay

459.987.500

Cộng**543.172.576**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỆ TAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010**

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
23. Chi phí hoạt động tài chính	
Chi phí lãi vay	459.987.500
Cộng	459.987.500
	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
24. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Chi phí tiền lương	495.833.751
Chi phí công cụ dụng cụ	40.601.577
Chi phí khấu hao	50.079.113
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.048.888
Chi phí khác bằng tiền	131.725.448
Cộng	1.182.288.777
	Từ ngày 01/01/2010 đến 30/6/2010
25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.970.676.339
Thuế suất	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính	3.742.669.085

VII. Các thông tin khác**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính**

Vào ngày 30/6/2010, Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty theo quyết định số 130/QĐ-SGDHCM. Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ các bên liên quan

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	trả)
	Thành viên Hội		
Ông Trần Quang Mỹ	đồng Quản trị	Phải trả dài hạn	(14.000.000.000)

**TRẦN THỊ HẢO**

Kế toán trưởng

Ngày 25 tháng 7 năm 2010

**PHẠM THỊ KIM XUÂN**

Tổng Giám đốc